

Bản án số: 311/2021/HSPT
Ngày: 13 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường;

Ông Vũ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 287/2021/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thị Q về “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Q, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1987 tại tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT: thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T và bà Trần Thị L; có chồng là Lê Anh Đ, sinh năm 1986 (đã ly hôn), có 02 người con sinh năm các 2013, 2015; có chồng Nguyễn Đình T, sinh năm 1993 (không đăng ký kết hôn), có con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giam từ ngày 11 tháng 11 năm 2020 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Q: Ông Trần Văn Đ - Luật sư Văn phòng T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình;

- Ngoài ra trong vụ án có 03 người bị hại: anh Hoàng Thanh L, anh Hoàng văn T và anh Nguyễn Văn T1; đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn dân sự: Ông Cao Việt H, Hiệu trưởng Trường Đại học B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2016 đến năm 2019, Trần Thị Q thuê nhà ở tại tỉnh Đồng Nai. Tháng 10 năm 2016, Q về quê tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và đưa ra thông tin gian dối, mạo danh là Phó Trưởng phòng quản lý dự án của Trường Đại học B đang nhận hồ sơ liên kết tuyển dụng người đi lao động tại Canada nên các bị hại liên lạc xin nộp hồ sơ.

Quá trình nhận hồ sơ và tiền, Trần Thị Q đã làm giả “Hợp đồng dịch vụ” nhân danh trường Đại học B, có địa chỉ tại 504 Đại lộ B, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và viết giấy “biên nhận” tiền USD có đóng dấu đỏ “đã thu tiền” giao cho các bị hại để tạo sự tin tưởng. Bằng thủ đoạn này, trong thời gian từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 11 năm 2018 Trần Thị Q đã lừa đảo chiếm đoạt của Hoàng Văn T, Hoàng Thanh L và Nguyễn Văn T1 tổng số tiền 1.124.426.000 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tháng 10 năm 2016, sau khi Trần Thị Q đưa ra thông tin giả nói trên, do có nhu cầu đi lao động tại CANADA và có mối quan hệ thân quen với gia đình Trần Thị Q nên Hoàng Thanh L, sinh năm 1985, trú tại thị xã B tin tưởng gặp Q để nộp hồ sơ và tiền. Q đồng ý nhận hồ sơ và yêu cầu L nộp tiền vào số tài khoản 5500205794377 mở tại Ngân hàng A. Sau đó, Q giao cho L 01 bản “Hợp đồng dịch vụ” giả do Q ký mạo danh Phó Trưởng phòng quản lý dự án Khoa Hợp tác quốc tế và đóng dấu giả của Trường Đại học B, ngoài ra Q còn giao cho L một số tài liệu có thông tin giả mạo của đơn vị tuyển dụng, liên kết để tạo lòng tin. Bằng thủ đoạn đó, từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 27 tháng 11 năm 2018 Trần Thị Q đã chiếm đoạt của Hoàng Thanh L tổng số tiền là 358.450.000 đồng (gồm 11 lần chuyển tiền qua tài khoản). Sau khi tự tìm hiểu và biết Q giả mạo cán bộ của Trường Đại học B, nên ngày 20 tháng 4 năm 2019 Hoàng Thanh L tìm gặp Q để đòi lại tiền và hồ sơ thì Q viết một bản cam kết chịu trách nhiệm giao cho L, sau đó Q cắt liên lạc, chuyển chỗ ở để trốn tránh việc đòi nợ.

Lần thứ hai: Cũng trong tháng 10 năm 2016, sau khi đưa ra thông tin giả mạo trên, Trần Thị Q đã nhận hồ sơ và tiền của Hoàng Văn T, sinh năm 1992, trú tại thôn Văn Phú, xã Q, thị xã B để làm thủ tục cho T đi lao động tại CANADA. Q yêu cầu T nộp tiền vào số tài khoản 5500205794377 mở tại Ngân hàng A; đồng thời giao cho T 01 bản “Hợp đồng dịch vụ” giả do Q ký giả mạo danh Phó Trưởng phòng quản lý dự án Khoa Hợp tác quốc tế và đóng dấu giả của Trường Đại học B để tạo lòng tin. Bằng thủ đoạn đó, từ ngày 11 tháng 11 năm 2016 đến 23 tháng 11 năm 2018 Trần Thị Q đã chiếm đoạt của Hoàng Văn T tổng số tiền 388.000.000 đồng (gồm 08 lần chuyển tiền qua tài khoản và 03

lần giao tiền mặt, trong đó giấy biên nhận ghi ngày 11 tháng 11 năm 2016 số tiền 850 USD, thực tế Q nhận tiền mặt 18.500.000 đồng và giấy biên nhận ghi ngày 14 tháng 11 năm 2016 số tiền 250 USD, thực tế Q nhận tiền mặt 5.000.000 đồng), sau đó Q cắt liên lạc, chuyển chỗ ở để trốn tránh việc đòi nợ.

Lần thứ ba: Đầu năm 2017, Nguyễn Văn T1 sinh năm 1971, trú tại huyện T (là con dì ruột của Trần Thị Q) nghe tin Q đang làm thủ tục đi CANADA cho L và T; Nguyễn Văn T1 đã liên lạc với Trần Thị Q đặt vấn đề làm hồ sơ cho con gái là Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1998. Q nhận hồ sơ và yêu cầu T1 nộp tiền vào số tài khoản 5500205794377 mở tại ngân hàng A. Đồng thời, Q giao cho T1 01 bản “Hợp đồng dịch vụ” giả do Q ký mạo danh Phó Trưởng phòng quản lý dự án Khoa Hợp tác quốc tế và đóng dấu giả của Trường Đại học B. Bằng thủ đoạn đó, từ ngày 03 tháng 3 năm 2017 đến 11 tháng 9 năm 2018 Trần Thị Q đã chiếm đoạt của Nguyễn Văn T1 tổng số tiền 377.976.000 đồng (gồm 08 lần chuyển tiền qua tài khoản). Sau đó Q cắt liên lạc, chuyển chỗ ở để trốn tránh việc đòi nợ.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020 Trần Thị Q bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình.

Tại bản kết luận giám định số 190 ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Quảng Bình kết luận:

- Chữ ký đứng tên Trần Thị Q tại bản cam kết ngày 20 tháng 4 năm 2019, dưới mục người nhận tiền (tại các biên nhận) và dưới mục địa diện bên A (trên Hợp đồng dịch vụ) là do một người ký ra.

- Chữ viết trên các tài liệu cần giám định với chữ viết trên mẫu so sánh (tờ khai chứng minh nhân dân của Q) là do một người viết ra.

- Hình dấu tròn dưới mục đại diện bên A (trên Hợp đồng dịch vụ) và hình dấu tròn của Trường Đại học B không phải do cùng một con dấu đóng ra. Quá trình điều tra, Trần Thị Q khai đối tượng Nguyễn Lê Vi Linh là người đưa 03 bản “Hợp đồng dịch vụ” đã được đóng dấu giả của Trường Đại học B cho Q, Q tự ký tên và đóng dấu tên Trần Thị Q vào rồi giao cho các bên bị hại. Số tiền nhận được từ các bị hại. Q cũng đã giao cho Linh trực tiếp bằng số tiền mặt nhưng không nhớ rõ đã giao bao nhiêu và Q không biết thông tin gì về nhân thân, địa chỉ của Linh nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

*** Vật chứng của vụ án:** Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

T tại Hoàng Thanh L.

- 01 Hợp đồng dịch vụ giữa Trường Đại học B và Hoàng Thanh L;
- 11 Giấy nộp tiền (liên 2) vào tài khoản 5500205794377 của Trần Thị Q;
- 01 Giấy biên nhận của Trần Thị Q ghi ngày 19 tháng 11 năm 2016 số tiền 850 USD;

- 01 Biên bản chịu trách nhiệm của Trần Thị Q ghi ngày 20 tháng 4 năm 2019;

* T tại Hoàng Văn T:

- 01 Hợp đồng dịch vụ giữa Trường Đại học B và Hoàng Văn T.

- 08 Giấy nộp tiền (liên 2) vào tài khoản 5500205794377 của Trần Thị Q;

- 02 Giấy biên nhận của Trần Thị Q (01 tờ ghi ngày 11 tháng 11 năm 2016 số tiền 850 USD; 01 tờ ghi ngày 14 tháng 11 năm 2016 số tiền 250 USD);

- 01 Giấy biên nhận của Trần Thị Q ghi ngày 11 tháng 11 năm 2016 số tiền 155.000.000 đồng.

- * T tại Nguyễn Văn T1:

- 08 Giấy nộp tiền (liên 2) vào tài khoản số 5500205794377 của Trần Thị Q;

- Các vật chứng nêu trên được lưu giữ và chuyển theo hồ sơ vụ án;

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo Trần Thị Q hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và Trường Đại học B yêu cầu Tòa án xét xử Trần Thị Q nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 19/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

2. Về hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Q:

Áp dụng khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị Q 13 (mười ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị Q 06 (sáu) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thị Q phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11 tháng 11 năm 2020.

Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thị Q với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên Bản án sơ thẩm (19/3/2021) để bảo đảm thi hành án.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 590, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị Q phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 1.124.426.000 đồng cụ thể như sau: Bồi thường cho anh Hoàng Thanh L số tiền 358.450.000 đồng; bồi thường cho anh Hoàng Văn T số tiền 388.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 377.976.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/3/2021 bị cáo Trần Thị Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Trần Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Luật sư Trần Văn Đại bào chữa cho bị cáo Trần Thị Q: Về tội danh của bị cáo đã rõ Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về 02 tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, về mức hình phạt là quá nghiêm khắc. Vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình; Bố bị cáo là ông Trần Văn Tài được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng ba và mẹ là bà Trần Thị Long được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng nhất; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chồng đã ly hôn, bị cáo phải nuôi 03 con còn nhỏ, trong đó có cháu mới hơn một tuổi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Trần Thị Q: Thống nhất như ý kiến của Luật sư.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Tội danh của bị cáo đã rõ; về hình phạt trên cơ sở các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Q, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm là có căn cứ. Mặc dù, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và 03 người bị hại có có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo đã khai nhận nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Để chiếm đoạt tiền của các bị hại Trần Thị Q đã đưa ra thông tin gian dối, mạo danh Phó Trưởng phòng quản lý dự án của Trường Đại học B nhận hồ sơ tuyển dụng người lao động tại Canada, bị cáo đã chiếm đoạt của anh Hoàng Thanh L số tiền 358.450.000 đồng, anh Hoàng Văn T số tiền 388.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn T1 số tiền 377.976.000 đồng, tổng số tiền bị cáo Q chiếm đoạt của 03 bị hại là 1.124.426.000 đồng (*Một tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng*). Bị cáo Trần Thị Q đã làm giả 03 Hợp đồng dịch vụ mạo danh

Trường Đại học B để ký kết với các bị hại. Với những hành vi như nêu trên, bị cáo bị truy tố, xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về tài sản của các bị hại một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật, xem thường tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm minh để răn đe giáo dục đối với bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thi Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo nhiều lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ; về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình; Bố bị cáo là ông Trần Văn Tài được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng ba và Mẹ là bà Trần Thị Long được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng nhất, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đối với tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Với những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 13 (mười ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; 06 (sáu) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là có căn cứ.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Thi Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cung cấp cho Hội đồng xét xử chứng cứ mới 03 Đơn xin giảm án của 03 người bị hại, tại phiên tòa bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm thêm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo tốt, sớm hoà nhập với cộng đồng xã hội.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 335; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Q, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị Q 12 (mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị Q 06 (sáu) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thị Q phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11 tháng 11 năm 2020.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thị Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, và phải chịu 45.732.780 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, việc thi hành án được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ 1;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Bình;
- Trại tam giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông